

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ
Số: 4/CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 16 tháng 1 năm 1961

NGHỊ ĐỊNH

CỦA HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ SỐ 04/CP NGÀY 16 THÁNG 1 NĂM 1961

BAN HÀNH BẢN ĐIỀU LỆ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp Hội nghị Thường vụ của Hội đồng Chính phủ ngày 16 tháng 12 năm 1960;

NGHỊ ĐỊNH

Điều 1. Nay bãi bỏ bản điều lệ đăng ký hộ tịch kèm theo nghị định của Thủ tướng Chính phủ số 764/TTg ngày 8 tháng 5 năm 1956, và ban hành bản điều lệ đăng ký hộ tịch mới kèm theo Nghị định này.

Bản điều lệ đăng ký hộ tịch mới này sẽ được thi hành kể từ ngày 1 tháng 4 năm 1961.

Điều 2. Ủy ban hành chính các khu tự trị và Ủy ban hành chính các khu, tỉnh trực thuộc Trung ương có vùng dân tộc thiểu số sẽ căn cứ vào bản điều lệ này mà quy định những điểm châm chước cho thích hợp với hoàn cảnh, phong tục, tập quán của miền núi, quy định này phải được Hội đồng Chính phủ phê chuẩn.

Điều 3. Ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết và hướng dẫn Ủy ban hành chính các cấp thi hành bản điều lệ kèm theo Nghị định này.

	TM. HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
--	---

Phạm Văn Đồng

ĐIỀU LỆ

ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH

(sinh, tử, kết hôn)

Đăng ký hộ tịch là ghi vào sổ của Ủy ban hành chính cơ sở những việc sinh, tử, kết hôn và những việc có liên quan như nuôi con nuôi, nhận con ngoài giá thú, nhận cha mẹ đẻ, thay đổi quốc tịch, thay đổi họ, tên, chữ đệm, cải chính ngày, tháng, năm sinh. Mục đích là để chứng nhận lý lịch, quan hệ gia đình, xác định nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi người.

Đăng ký hộ tịch còn là biện pháp hành chính nhằm góp phần bảo đảm việc thi hành luật hôn nhân và gia đình.

Đăng ký hộ tịch còn có mục đích quan trọng nữa là phục vụ công tác thống kê dân số và tính toán tỷ lệ tăng giảm tự nhiên của dân số, để cho Nhà nước có căn cứ lập kế hoạch và các ngành kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học có tài liệu nghiên cứu những biện pháp nhằm nâng cao đời sống và tuổi thọ của nhân dân.

Để đạt những mục đích nói trên, bản điều lệ đăng ký hộ tịch này quy định thủ tục đăng ký theo phương châm:

- Đơn giản, dễ dàng để cho nhân dân khai và xin đăng ký các việc sinh, tử, kết hôn được đầy đủ và đúng hạn, đồng thời bảo đảm các việc đăng ký được chính xác để giữ gìn giá trị của những giấy chứng nhận hộ tịch và phục vụ yêu cầu của ngành Thống kê.
- Phù hợp với tình hình thực tế của nước ta, có chú ý đến tình hình vùng nông thôn và miền núi hiện nay.

Chương 1.

ĐĂNG KÝ VIỆC SINH

Điều 1. Trong hạn 30 ngày kể từ ngày đẻ con, cha hay mẹ phải khai sinh cho con tại Ủy ban hành chính cơ sở nơi cư trú.

Nếu cha hay mẹ không đi khai được thì phải nhờ người thân thuộc, người láng giềng, người bạn đi khai thay, trong thời hạn nói trên.

Điều 2. Khi khai sinh phải xuất trình giấy chứng sinh do cơ quan y tế đã đỡ đẻ cấp. Trường hợp không có giấy chứng sinh thì có thể xuất trình giấy chứng nhận do người chịu trách nhiệm về hành chính ở xóm, bản, phố hay cơ quan, xí nghiệp, công, nông trường cấp.

Khi khai sinh phải khai rõ:

- Họ và tên của đứa trẻ.
- Trai hay gái.
- Ngày, tháng, năm sinh.
- Nơi sinh.
- Họ tên, tuổi, quốc tịch, dân tộc, nghề nghiệp, chỗ ở của cha mẹ.
- Họ tên, tuổi, chỗ ở, số và ngày cấp giấy chứng minh (nếu có) của người đứng khai.

Điều 3. Con ngoài giá thú cũng phải khai sinh.

Điều 4. Trường hợp trẻ con mới đẻ bị bỏ rơi, thì người trông thấy đầu tiên có nghĩa vụ tạm thời bảo vệ đứa trẻ và báo ngay cho Ủy ban hành chính hoặc Công an cơ sở gần nhất. Ủy ban hành chính đứng khai sinh và tìm người nuôi đứa trẻ.

Chương 2.

ĐĂNG KÝ VIỆC TỬ

Điều 5. Khi có người chết, bất cứ người lớn hay trẻ con, thì trong hạn 24 giờ kể từ khi người chết tắt thở, người thân thuộc phải khai tử với Ủy ban hành chính cơ sở nơi xảy ra việc chết. Trường hợp không có người thân thuộc hoặc người đó vắng mặt, thì người ở cùng nhà, người láng giềng, hoặc người có trách nhiệm trong cơ quan, xí nghiệp, công, nông trường nơi có người chết phải khai tử.

Nếu chết tại nơi cư trú, thì Ủy ban hành chính cơ sở ấy đăng ký ngay vào sổ khai tử.

Thông thường nếu cư trú một nơi, chết một nơi khác, thì Ủy ban hành chính cơ sở nơi xảy ra việc chết nhận việc khai tử, nhưng không đăng ký và trong hạn 24 giờ

sau, phải báo cho Ủy ban hành chính nơi cư trú của người chết biết để Ủy ban hành chính này đăng ký vào sổ khai tử. Trường hợp không rõ nơi cư trú của người chết thì Ủy ban hành chính cơ sở nơi xảy ra việc chết, đăng ký ngay vào sổ khai tử.

Điều 6. Trường hợp trẻ con đẻ ra rồi mới chết thì phải vừa đăng ký vào sổ khai sinh vừa đăng ký vào sổ khai tử.

Trường hợp trẻ con đẻ ra đã chết thì không khai sinh và không khai tử.

Điều 7. Khi khai tử, phải khai rõ:

- Họ, tên, quốc tịch, dân tộc, nghề nghiệp, chỗ ở, ngày, tháng, năm sinh hay tuổi của người chết.
- Nam, hay nữ.
- Ngày, tháng, năm và nơi chết.
- Nguyên nhân chết.
- Họ, tên, chỗ ở, số và ngày cấp giấy chứng minh (nếu có) của người đứng khai.

Chương 3.

ĐĂNG KÝ VIỆC KẾT HÔN

Điều 8. Việc kết hôn phải được Ủy ban hành chính cơ sở nơi cư trú của bên nam hoặc bên nữ công nhận và đăng ký vào sổ kết hôn.

Điều 9. Muốn xin đăng ký kết hôn, nam và nữ phải khai với Ủy ban hành chính những điểm sau:

- Ý định kết hôn.
- Có đủ các điều kiện để kết hôn theo luật định.
- Đề nghị ngày đăng ký kết hôn.

Ủy ban hành chính cơ sở phải thẩm tra lời khai, và khi xét thấy hai bên nam nữ có đủ điều kiện hợp pháp để kết hôn, thì đăng ký kết hôn vào ngày do Ủy ban hành chính và đương sự định.

Trước khi công nhận và đăng ký, Ủy ban hành chính nhắc nhở cho hai bên rõ nghĩa vụ và quyền lợi của vợ chồng như đã quy định trong Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 10. Trường hợp xét thấy nam hay nữ không đủ điều kiện để kết hôn, thì Ủy ban hành chính không đăng ký và giải thích cho đương sự rõ lý do.